

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung;

Căn cứ Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 27/7/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 375/TTr-SNN&PTNT ngày 15/10/2024, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 5623/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 10/10/2024 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt dự án xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn cho công trình đê điều, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân trong khu vực bị ảnh hưởng; đưa công trình vào phục vụ công tác phòng, chống thiên tai nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra; ổn định đời sống nhân dân, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án.

5. Các chỉ tiêu, thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Các chỉ tiêu thiết kế:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95\%$.
- Mức đảm bảo phòng, chống lũ với tần suất: $P = 5\%$.
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,2$.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài đỉnh tuyến kè thiết kế	m	278,04
2	Chiều dài chân kè thiết kế	m	313,77
3	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	+4.50
4	Hệ số mái thân kè	m	2
5	Cao trình đỉnh đồng đá thiết kế	m	+0.00
6	Chiều rộng đỉnh đồng đá chân kè	m	(3-4,5)
7	Hệ số mái chân kè	m	1,5

6. Quy mô, nội dung đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Quy mô, nội dung đầu tư: Xây dựng kè chống sạt lở, bảo vệ đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070 và một số hạng mục công trình phụ trợ.

6.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến đê hiện tại, nắn chỉnh một số vị trí đảm bảo tuyến kè trơn thuận.

- Hình thức: Kè tường đứng kết hợp mái, cụ thể:

+ Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá học thả rôi; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+0.00) m xuống cao trình (-0.50) m được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm; khóa đỉnh lăng thể bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, kích thước (BxH) = (0,4x0,6) m, dọc tuyến cứ 11,8 m bố trí 01 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường, đáy dầm được gia cố cọc BTCT M300, kích thước (0,25x0,25) m.

+ Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn (BTĐS) M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè, tạo thành liên kết mảng mềm trong khung; dưới cấu kiện BTĐS là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương); khóa đỉnh mái bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường. Tại một số vị trí mái bờ sông bị sạt lở, tụt hẳn so với mái thiết kế, được bù phụ tạo mái bằng đá dăm (1x2) cm trước khi gia cố mái bằng cấu kiện BTĐS theo thiết kế.

+ Đỉnh kè: Làm tường chắn đất trọng lực bằng BTCT M250, phía trên đỉnh tường lắp lan can bằng ống thép mạ kẽm đảm bảo an toàn giao thông, chân tường bố trí hệ thống thoát nước giảm áp, đất đắp hoàn thiện sau lưng tường được đầm nện đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; hoàn trả phần mặt đê (bị ảnh hưởng bởi công trình) bằng bê tông thường (BTT) M250, dưới là lớp cấp phối đá dăm loại 2.

b) Bậc lên xuống: Tại đầu tuyến kè bố trí 01 bậc lên xuống, bề rộng lòng bậc $B = 3$ m; kết cấu bằng BTT M200, dưới lót nilon tái sinh.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lập khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Thanh Hóa.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung.

- Diện tích sử dụng đất: Công trình xây dựng trên mái đê hiện trạng nên không có diện tích chiếm đất.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình đê điều, cấp IV.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo thông báo kết quả thẩm định số 5623/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 10/10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **8.396.000.000 đồng;**

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	6.652.256.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	160.787.494 đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	667.594.929 đồng;
Chi phí khác:	535.297.272 đồng;
Chi phí dự phòng:	380.064.369 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

13. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2023 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn (đơn vị được giao quản lý dự án) có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT tại thông báo kết quả thẩm định số 5623/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 10/10/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**Dự án xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạt đoạn từ K30+750-K31+070,
xã Hà Vinh, huyện Hà Trung**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
1	Chi phí xây dựng (Gxd)		6.652.256.000
1	Chi phí xây dựng kè	Theo dự toán chi tiết	6.652.256.000
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa)	Gxd trước thuế x 3,263% x 0,8	160.787.494
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		667.594.929
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	Theo QĐ 352/QĐ-SNN&PTNT ngày 31/7/2024	73.561.000
3.2	Chi phí khảo sát địa chất		88.047.000
3.3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng		4.848.000
3.4	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)		268.510.000
3.5	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Gxd x 0,372% x 1,2	29.695.671
3.6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Dự toán gói thầu XD sau thuế x 0,361%	24.014.645
3.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Dự toán gói thầu XD sau thuế x 2,598%	172.825.613
3.8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Bảng 2.23 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	Theo QĐ 352/QĐ-SNN&PTNT ngày 31/7/2024	6.093.000
4	Chi phí khác (Gk)		535.297.272
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	Gxd x 1%	66.522.561
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (các Thông tư 28/2023/TT-BTC, 43/2024/TT-BTC)	Tổng mức đầu tư x 0,019% x 0,5	797.620
4.3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu XD (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	Dự toán gói thầu XD sau thuế x 0,1%	6.652.256
4.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XD (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	Dự toán gói thầu XD sau thuế x 0,1%	6.652.256
4.5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Tổng mức đầu tư x 0,448%	37.592.586
4.6	Chi phí thẩm định giá vật tư, vật liệu	Tạm tính	10.000.000
4.7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	Tạm tính	20.000.000
4.8	Hoàn trả đường bê tông	Tạm tính	387.079.993
5	Chi phí dự phòng		380.064.369
5.1	Chi phí dự phòng	(Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk) x 4,741%	380.064.369
	Tổng cộng	(1+2+3+4+5)	8.396.000.064
	Làm tròn		8.396.000.000